

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Bản án số 02 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 / 01/2022

"V/v Ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

[1].ông Nguyễn Minh Sáu.

[2].ông Trần Quang Cường.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: Bà Trịnh Thị Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 và 12 tháng 1 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 52 /2021/ TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2021 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70 /2021/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Th Th; sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ : Thôn Sơn Quý , xã P S, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: anh Nguyễn V K; sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ : Thôn Sơn Quý , xã P S, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn V L; sinh năm 1983(vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn Bù Xia, xã Đ, huyện B G M, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/2/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Th Th trình bày:

Tôi và anh Nguyễn V K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988 và có đăng ký kết hôn, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, anh Khoa thường xuyên bạo lực gia đình, mâu thuẫn về kinh tế do anh Khoa đánh bạc thua lỗ, quan hệ không lành mạnh bên ngoài ,

vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh Khoa đã xây bít kín cửa nhà khách, mẹ con tôi ở dưới bếp, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Văn A Đ, sinh ngày 19/10/2006, nguyên vọng chị Thắm xin nuôi con, không yêu cấp dưỡng, các cháu còn lại đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản diện tích đất 1780,5m², đất ở nông thôn 200m² thuộc thửa đất số 315, đất tọa lạc tại Thôn Sơn Quý (Thôn Sơn Phú cũ), xã P S, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, do UBND huyện B Đ cấp ngày 07/1/2014; Quá trình sử dụng đã sang nhượng cho em trai là chú Nguyễn Văn Ngọc, diện tích 490,7m², chú Ngọc đã làm nhà ở trên đất; Sang nhượng cho mẹ là bà Phạm T M 483,2m², bà Mắm và chú Lành đã làm nhà ở trên đất, tất cả chưa tách thửa.

Phần đất chung vợ chồng còn lại 806,6m², chiều ngang mặt đường 19m trên đất có nhà xây cấp 4 diện tích 124,1m²; công trình phụ 24,64m², tổng công 148,7m² nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung còn lại này, chị nhận nhà, đất để sử dụng, giao tiền cho anh Khoa.

Tại phiên tòa chị thay đổi ý kiến, anh khoa vẫn không đồng ý ly hôn nên chị giao nhà, đất cho anh Khoa sử dụng, anh Khoa trả tiền lại cho chị. Đối với cây trồng trên đất như Điều, cà phê, có mấy cây không đáng kể, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn V K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô Nguyễn Th Th về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có hạnh phúc, sau đó có mâu thuẫn về kinh tế, tôi đã xin lỗi, tôi đi làm và có gửi tiền về cho gia đình, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Con ở với ai do các cháu quyết định.

Về tài sản chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết công bằng.

Nợ chung: Có nợ ông Phan Đình Triện, Tôi không cung cấp được địa chỉ.

Nợ bà Phạm T M đã chết, chú Nguyễn V L là người thừa kế của mà Mắm sẽ tự quyết định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn V L vắng mặt tại phiên tòa, qua lời khai trình bày nội dung: Tôi đi làm ăn xa, anh Khoa có nói cho tôi biết khi còn sống mẹ Tôi bà Phạm T M (đã chết) có cho anh chị mượn số tiền 100.000.000đ, khi cho mượn không làm giấy tờ gì, hiện nay anh là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Mắm, hiện nay anh chưa yêu cầu Anh (Chị) trả tiền, nếu cần thiết thì anh sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Nguyễn Th Th có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn V K, nay chị Nguyễn Th Th xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Nguyễn Th Th và anh Nguyễn V K tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Th Th và anh Nguyễn V K là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Nguyễn Th Th và anh Nguyễn V K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, chị Nguyễn Th Th kiên quyết xin ly hôn, các bên đã sống ly thân, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Th Th được ly hôn với anh Nguyễn V K.

[4] Về con chung, theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn A Đ muốn ở với mẹ, vì vậy cần giao cháu Nguyễn Văn A Đ, sinh ngày 19/10/2006 cho chị Nguyễn Th Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản chung: Tài sản diện tích đất 1780,5m², đất ở ông thôn 200m², đất thuộc thửa đất số 315, tờ bản đồ số 19, đã sang nhượng một phần cho em trai là Nguyễn Văn Ngọc diện tích 490,7m², Sang nhượng cho mẹ là bà Phạm T M483,2m², bà Mầm và chú Lành đã làm nhà ở trên đất, tất cả chưa tách thửa.

Diện tích đất thực tế còn lại 806,6m², chiều ngang mặt đường dài 19m, theo kết luận Hội đồng định giá, trị giá đất 60.000.000đ/1m ngang x 19m = 1.140.000.000đ.

Nhà ở trị giá 3.000.000đ/1m² x 124,1m² = 372.300.000đ. Công trình phụ trị giá: 1.500.000đ/1m² x 24,6m² = 36.960.000đ. Tổng tài sản trị giá: 1.549.260.000đ.

Đây là tài sản chung của vợ chồng, theo nguyện vọng chị Thắm chia đôi cho vợ chồng, như vậy mỗi người hưởng tài sản trị giá 774.630.000đ, tuy nhiên nguyện vọng chị Thắm giao cho anh Khoa sử dụng tài sản và đồng thời anh Khoa có nghĩa vụ giao cho chị Thắm số tiền 774.630.000đ.

Xét theo nguyện vọng của chị Thắm, cần giao cho anh Khoa sử dụng phần diện tích đất thực tế còn lại 806,6m², nhà ở, công trình phụ; Anh Khoa có nghĩa vụ giao cho chị Thắm số tiền 774.630.000đ.

Về nợ chung: Người liên quan chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]Về án phí: chị Nguyễn Th Th nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Án phí chia tài sản: Chị Nguyễn Th Th hưởng tài sản trị giá 774.630.000đ nên số tiền án phí 34.985.200đ, tổng cộng 35.285.200đ. Tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.800.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016009 ngày 23/2/2021 nên số tiền còn lại chị Thẩm phải nộp là 27.485.200 đ.

Anh Nguyễn V K hưởng tài sản trị giá 774.630.000đ nên số tiền án phí anh Khoa phải nộp 34.985.200đ.

Chi phí xác minh thẩm định tài sản, đo đạc, định giá, tổng cộng: 9.879.091đ mỗi người chịu 1/2 nghĩa vụ, chị Thẩm đã nộp, vì vậy anh Nguyễn V K giao trả chị Thẩm số tiền 4.393.545đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 33; 38;51, 56, 59;62; 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Th Th được ly hôn với anh Nguyễn V K.

[2] Về con chung, giao cháu Nguyễn Văn A Đ, sinh năm 2006 cho chị Nguyễn Th Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[3]Tài sản chung: Các tài sản nhà, quyền sử dụng đất, công trình phụ, tổng trị giá: 1.549.260.000đ.

Anh Nguyễn V K được hưởng 1/2 giá trị tài sản tương ứng với số tiền 774.630.000đ.

Chị Nguyễn Th Th được hưởng 1/2 giá trị tài sản tương ứng với số tiền 774.630.000đ.

Cụ thể như sau: anh Nguyễn V K được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản trên đất gồm có:

Diện tích đất 806,6m², chiều ngang mặt đường dài 19m, đất ở ông thôn 200m² thuộc thửa đất số 315 (một phần trong diện tích đất 1780,5m²), đất tọa lạc tại Thôn Sơn Quý (Thôn Sơn Phú cũ), xã Phú Sơn , huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, do UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 07/1/2014, gồm các điểm tọa độ 2;3;9;10) có sơ đồ đo đạc do Công ty TNHH -MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 ký ngày 28/4/2021 kèm theo).

Tài sản trên đất gồm căn nhà xây cấp 4 diện tích 14,6m x 8,5m, nền gạch bông, la phong tôn, mái lợp tôn. Công trình phụ diện tích 3,2m x 7,7m.

anh Nguyễn V K giao số tiền 774.630.000đ cho chị Nguyễn Th Th.

anh Nguyễn V K liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4] Về nợ chung : Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] Về án phí: chị Nguyễn Th Th nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, án phí chia tài sản 34.985.200đ, tổng cộng 35.285.200đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.800.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016009 ngày 23/2/2021, nên số tiền còn lại chị Thẩm phải nộp là 27.485.200 đ.

Anh Nguyễn V K nộp số tiền án phí chia tài sản là 34.985.200đ .

Chi phí xác minh thẩm định tài sản, đo đạc, định giá, tổng cộng: 9.879.091đ mỗi người chịu 1/2 nghĩa vụ, chị Thẩm đã nộp, vì vậy anh Nguyễn V K giao trả chị Thẩm số tiền 4.393.545đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên